

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi,
bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 273 /TTr-SNNMT ngày 21/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 06 thủ tục hành chính (*cấp tỉnh: 05 thủ tục; cấp xã: 01 thủ tục*) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành; thay thế Danh mục 06 thủ tục hành chính có số thứ tự 16, 20, 26, 29, 32 phần II và số thứ tự 01 phần III tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh Giàng Quốc Hưng;
- Phó Chánh VP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Trung tâm thông tin và Hội nghị;
- Lưu: VT, HCC_(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Giàng Quốc Hưng

**DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /4/2026
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

I. DANH MỤC 06 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP TỈNH

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	1.014466	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm I có quy mô phân tán, nhỏ lẻ; khoáng sản nhóm II:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ: + Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã	Mức phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản như sau: - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế đến 01 tỷ đồng: mức thu là 10 triệu đồng; - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 01 đến 10 tỷ đồng: mức thu là 10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng); - Tổng chi phí thăm dò khoáng	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà không phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 24 ngày làm việc, kể	- Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)	sản thực tế trên 10 đến 20 tỷ đồng: mức thu là 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng); - Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế trên 20 tỷ đồng: mức thu là 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).	định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 40/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản; phương pháp, khối lượng công tác thăm dò khoáng sản đối với từng loại khoáng sản; mẫu, nội dung đề án và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản;	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận kết quả thăm dò khoáng sản nhóm III và việc thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét công nhận kết quả thăm dò khoáng sản mà phải thông qua Hội đồng tư vấn kỹ thuật:</i>			- Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 21 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
2	1.014278	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau:	<i>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành các hạng mục và</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			- Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	<i>khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được phê duyệt hoặc phương án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được chấp thuận:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 40 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (<i>trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 12 ngày làm việc</i>); - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm	ng nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ: + Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)		phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 04/2016/TT-BKHCN ngày 04/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (trước đây) quy	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản đối với giấy phép khai thác khoáng sản, giấy phép khai thác tận thu khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 24 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản nhóm IV:</i>			định về thẩm định báo cáo đánh giá an toàn bức xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác quặng phóng xạ.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				- Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ: Không quy định. - Thời hạn xem xét, quyết định phê duyệt: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				
3	1.014281	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị điều chỉnh một trong các nội dung: điều chỉnh khối lượng khoáng sản; tăng hoặc giảm công suất khai thác; thay đổi tên tổ chức, cá nhân; trả lại một phần diện tích khai thác; một phần diện tích bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; bỏ</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ: + Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>sung khai thác khoáng sản đi kèm:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đáp ứng quy định (trường hợp hồ sơ cần chỉnh sửa, bổ sung, thời gian thẩm định còn lại sau khi nhận được hồ sơ hoàn thiện của tổ chức, cá nhân được tăng thêm 05 ngày làm việc); - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản đề nghị</i>	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)		định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>thay đổi tên tổ chức, cá nhân:</i> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định và ra quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.	
4	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	<i>* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ (<i>Trường hợp</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ: + Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định);</i> - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa nằm trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1a Điều 55</i>	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)		biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.	

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện <i>(không phụ thuộc vào địa giới hành chính)</i>	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Thuộc một trong các trường hợp sau: (1) Tổ chức, cá nhân (đã được cấp giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày 16/01/2026) đề nghị sử dụng khoáng sản là khối lượng tài nguyên nằm trong ranh giới khu vực được phép khai thác mà bắt buộc phải khai đào, bóc xúc mới thì công được công trình khai thác mỏ; (2) Tổ chức, cá</i>				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				<i>nhân đề nghị sử dụng khoáng sản đã khai thác, thu hồi trong phạm vi ranh giới, diện tích khu vực thực hiện dự án đầu tư khai thác khoáng sản theo giấy phép khai thác khoáng sản và đang được lưu giữ hoặc tập kết tại các kho chứa, bãi chứa quy định tại khoản 9 Điều 4 của Luật số 147/2025/QH15:</i> - Thời hạn tiếp nhận và thẩm định hồ sơ: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức, cá nhân; - Thời hạn xem xét, quyết định: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.				

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5	1.014346	Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Giao nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua đường bưu điện; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	- Trường hợp giao nộp báo cáo, dữ liệu địa chất, khoáng sản: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ giao nộp hợp lệ. - Trường hợp giao nộp mẫu vật địa chất, khoáng sản, mẫu vật bảo tàng: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ mẫu vật hợp lệ.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ: + Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã - Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15; - Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định trình tự, thủ tục giao nộp, thu nhận,	Tên TTHC cũ: <i>Giao nộp, thu nhận thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản</i>

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc vào địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							cung cấp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản.	

* **Ghi chú:** Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 và Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản QPPL có hiệu lực khác.

II. DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CẤP XÃ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	Nộp hồ sơ qua một trong các hình thức sau: - Trực tiếp; - Qua dịch vụ bưu chính; - Qua môi trường mạng (trực tuyến).	* Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản trong các trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 75 của Luật Địa chất và khoáng sản: - Thời hạn tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: 01 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ; - Thời hạn thẩm định hồ sơ: 31 ngày làm việc, kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã. - Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Nông nghiệp và Môi trường) tại địa chỉ:	Không quy định	- Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2025/QH15; - Luật số 147/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; - Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				có phiếu tiếp nhận hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ phải bổ sung, hoàn thiện thì thời gian tổ chức, cá nhân đăng ký thu hồi khoáng sản hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định</i>); - Thời hạn xem xét, quyết định: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt; - Thời hạn trả kết quả: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết. <i>* Trường hợp chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công đề nghị sử dụng khoáng sản dôi dư đã được tập kết tại bãi thải, bãi chứa trở lên để phục vụ cho các công trình, dự án quy định tại các điểm a, b, c, d và d khoản 1a Điều 55 của Luật Địa chất và khoáng sản:</i> - Thời hạn tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và xem xét, quyết định: 10 ngày làm việc, kể từ	+ Cơ sở 1: Số 64, đường Lý Tự Trọng, phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai. + Cơ sở 2: Đại lộ Trần Hưng Đạo, phường Cam Đường, tỉnh Lào Cai - Cổng Dịch vụ công (dịch vụ công trực tuyến)		sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản; - Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về khai thác khoáng sản, khai thác tận thu khoáng sản và thu hồi khoáng sản; - Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, phương án đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu văn bản trong hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của một số thông tư thuộc lĩnh vực địa chất và khoáng sản.

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện (không phụ thuộc địa giới hành chính)	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				ngày nhận được văn bản đề nghị của chủ đầu tư, nhà đầu tư hoặc nhà thầu thi công; - Thời hạn trả kết quả: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết.			

* **Ghi chú:** Những bộ phận tạo thành còn lại của TTHC được tích hợp (tổng hợp) với nội dung Quyết định số 1245/QĐ-BNNMT ngày 10/4/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các văn bản QPPL có hiệu lực khác.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN BỊ BÃI BỎ

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Ghi chú
*	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản	Điều 49, Điều 50 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ.	Thủ tục hành chính có số thứ tự 16, 20, 26, 29, 32 phần II tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ
2	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	- Điều 106 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung	

		theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.
3	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	- Điều 81 và 84 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (3) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	
4	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung	

		theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	
5	Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	Điều 5, Điều 6 và Phụ lục I Thông tư số 87/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
*	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
6	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	- Các Điều 96, 97 và 98 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Điều 5 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ; - Phụ lục II Thông tư số 36/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026; (4) Phụ lục Thông tư số 39/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư số 04/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026.	Thủ tục hành chính có số thứ tự 01 phần III tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 439/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của UBND tỉnh Lào Cai về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai.